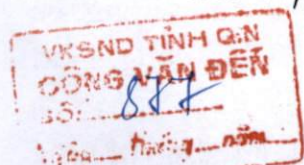


Số: 04/TB-VC1-V2

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024



## THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM

25-01-2024 "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy

Thực hiện nhiệm vụ giải quyết đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn là bà Vì Thị Chung với bị đơn là bà Lò Thị Hà và ông Lương Văn Long do Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2022/DS-PT ngày 11/7/2022. Trên cơ sở kết quả giám đốc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo đến Viện kiểm sát các địa phương thuộc khu vực phía Bắc để rút kinh nghiệm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật nhằm nâng cao chất lượng công tác xét xử và kiểm sát hoạt động tư pháp, cụ thể như sau:

### 1. Nội dung và quá trình giải quyết vụ án

Nguyên đơn bà Vì Thị Chung khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lương Văn Long, bà Lò Thị Hà trả cho bà Chung tổng số tiền nợ gốc là 3.188.942.000 đồng và số tiền lãi tính trên từng khoản nợ gốc từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Lương Văn Long và bà Lò Thị Hà đồng ý với yêu cầu của bà Chung đối với tổng số tiền nợ gốc là 2.025.000.000 đồng và tiền lãi là 753.779.041 đồng. Ông Long, bà Hà không đồng ý yêu cầu của bà Chung đối với 1.163.942.000 đồng tiền gốc và 502.190.116 đồng tiền lãi vì ông, bà đã trả hết nợ.

Ông Long, bà Hà cho rằng ngày 20/3/2017, bà Hà và bà Chung ký "Hợp đồng góp vốn kinh doanh", cùng ngày bà Hà đã giao cho bà Chung 2.000.000.000 đồng tiền mặt nhưng do tin tưởng nên không làm biên bản giao tiền. Do bà Chung sử dụng vốn góp không đúng mục đích nên ông Long, bà Hà đề nghị rút vốn góp nhưng bà Chung không đồng ý và thông báo đã sử dụng hết vốn góp chưa thu được lãi. Vì vậy, ông Long, bà Hà vay tiền của bà Chung với mục đích đối trừ nợ vào tiền góp vốn. Hai bên đã thống nhất đối trừ số nợ vào số tiền góp vốn, chênh lệch tiền gốc, lãi suất tiền vay bà Hà sẽ trả cho bà Chung bằng tiền mặt theo lãi vay ngân hàng nhưng việc thỏa thuận không được các bên lập thành văn bản. Ngày 31/5/2019, bà Chung đã xác nhận bằng lương và in lại Hợp đồng góp vốn ngày 20/3/2017 có sẵn trong máy tính của bà Chung cho bà Hà và bà Hà viết vào sổ tay của bà Chung với nội dung hợp đồng góp vốn in sau này là không có thật, chỉ là hợp đồng lập ảo để làm thủ tục vay vốn ngân hàng, còn Hợp đồng góp vốn ngày 20/3/2017 là hợp đồng có thật. Do đó, ông Long, bà Hà phản tố yêu cầu bà Chung trả lại số tiền góp vốn 2.000.000.000 đồng và 866.670.000 đồng tiền lãi tính từ ngày góp vốn 20/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.



Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 20/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ quyết định:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Long, bà Hà có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Chung tổng số tiền 2.778.779.041 đồng, gồm 2.025.000.000 đồng tiền gốc và 753.779.041 đồng tiền lãi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tổng số tiền 1.666.132.116 đồng, gồm 1.163.942.000 đồng tiền gốc và 502.190.116 đồng tiền lãi.

2. Về yêu cầu phản tố

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố để đối trừ nghĩa vụ của bị đơn với tổng số tiền 2.866.670.000 đồng.

Tuyên bố Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 20/3/2017 giữa bà Hà và bà Chung vô hiệu; không đề cập giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

...

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2022/DS-PT ngày 11/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên Phủ quyết định:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc ông Long, bà Hà phải liên đới trả cho bà Chung số tiền 1.757.151.300 đồng, gồm 1.163.942.000 đồng tiền gốc và 593.209.300 đồng tiền lãi.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ như sau: Tuyên bố Hợp đồng góp vốn kinh doanh ký ngày 20/3/2017 giữa bà Chung và bà Hà có hiệu lực pháp luật. Buộc bà Chung phải trả cho ông Long, bà Hà số tiền 2.833.333.333 đồng (gồm 2.000.000.000 đồng tiền gốc và 833.333.333 đồng tiền lãi), khấu trừ với khoản tiền mà ông Long, bà Hà phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Chung là 2.778.779.041 đồng (gồm 2.025.000.000 đồng tiền gốc và 753.779.041 đồng tiền lãi) theo Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ thì bà Chung còn phải thanh toán cho ông Long, bà Hà số tiền 54.554.292 đồng.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Chung có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2022/DS-PT ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Ngày 14/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định số 01/KNGĐT-VKS-DS kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2022/DS-PT ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**2. Những vấn đề cần rút kinh nghiệm**

*2.1. Vi phạm trong thu thập chứng cứ*

Từ năm 2016 đến năm 2019, bà Chung đã nhiều lần cho vợ chồng ông Long, bà Hà vay tiền, mỗi lần cho vay hai bên đều lập giấy tờ. Quá trình giải quyết vụ án



các bên thừa nhận đã lập biên bản chốt nợ vào ngày 28/7/2019 với nội dung: “chốt đến ngày 28/7/2019: dư nợ của Lò Thị Hà và Lương Văn Long là 1.951.657.000 đồng + 1.637.969.000 đồng (cả lãi) = 3.589.626.000 đồng. Những giấy tờ và hợp đồng vay mượn tiền trước thời điểm lập biên bản này là hết hiệu lực, không còn giá trị”, biên bản có chữ ký của ông Long, bà Hà và bà Chung. Ông Long, bà Hà cho rằng việc lập biên bản chốt nợ trên để yêu cầu xử lý bà Chung về tội cho vay nặng lãi, thực tế ông Long, bà Hà chỉ còn nợ bà Chung 2.025.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn 1.564.626.000 đồng tiền lãi là theo bản tính lãi của bà Chung, tuy nhiên bà Chung không thừa nhận bản tính lãi này. Mặt khác, trong hồ sơ vụ án có nhiều bản tính tiền nợ có nội dung khác nhau như: “Kế toán (Hiền) của bà Chung tính toán để trả ngày 25/11/2017”, “nháp thực viết ngắn gọn lại”, “nháp thanh toán thực với Hà - Long”, “nháp ảo do Hà yêu cầu làm”, “Hà Long: chữ chị Chung tính ra số tiền gốc để chốt nợ ra biên bản chốt nợ 28/7/2019”, “tính lãi 2.500đ/ngày... cộng cả lãi và gốc là 1.110.105.000 đồng, mới trả 1.110.000.000 đồng”, các bản tính nợ nêu trên đều không có chữ ký của ông Long, bà Hà và bà Chung. Mặc dù tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án còn nhiều mâu thuẫn nhưng Tòa án hai cấp không tiến hành đối chất giữa các bên, không xác minh làm rõ các khoản tiền vay, nợ gốc

Tại bản liệt kê “kế toán (Hiền) của bà Chung tính toán để trả ngày 25/11/2017” thể hiện số tiền phải trả cho chị Chung là 920.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hai cấp không lấy lời khai của Kế toán Hiền, không xác minh làm rõ việc vay nợ và trả nợ giữa các bên.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ; chưa xác minh làm rõ các nội dung liên quan của vụ án là không đảm bảo tính chính xác, khách quan.

## 2.2. Vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Long, bà Hà xuất trình bản ghi âm và cho rằng tại bản ghi âm này bà Chung xác nhận chỉ còn khoản nợ gốc là hơn 2.000.000.000 đồng, tuy nhiên nội dung bản ghi âm lại thể hiện bà Chung vay của bà Chu Thị Thủy số tiền 900.000.000 đồng để cho bà Hà vay lại và bà Chung đã gạch trên giấy bà Hà viết ngày 15/10/2018 những khoản nợ bà Hà đã trả cho bà Chung gồm: đợt 3 ngày 24/8/2018 là 400.000.000 đồng, đợt 6 ngày 25/9/2018 là 150.000.000 đồng, đợt 7 ngày 08/10/2018 là 264.000.000 đồng, đợt 8 ngày 15/10/2018 là 170.000.000 đồng. Bà Chung cho rằng việc ghi âm không công khai, các bên chỉ tính các khoản nợ bà Hà ghi và khoản vay của bà Thủy còn giai đoạn sau các bên thống nhất số tiền nợ thì ông Long, bà Hà không ghi hoặc không xuất trình. Như vậy, bản ghi âm do ông Long, bà Hà cung cấp không phải là căn cứ để xác định số tiền nợ gốc và lãi của ông Long, bà Hà. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm lại căn cứ bản ghi âm để xác định ông Long, bà Hà còn nợ bà Chung số tiền nợ gốc 2.025.000.000 đồng là không có căn cứ vững chắc.

- Ông Long, bà Hà yêu cầu đối trừ nghĩa vụ trả nợ vào số tiền 2.000.000.000 đồng mà bà Hà đã góp vốn cùng bà Chung theo Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày



20/3/2017 có đóng dấu của Công ty TNHH một thành viên Phương Chung (do bà Chung là Giám đốc). Chứng cứ ông Long, bà Hà xuất trình là hai Hợp đồng góp vốn kinh doanh cùng đề ngày 20/3/2017 giữa bà Hà và bà Chung (có nội dung như nhau) và giấy xác nhận bằng lương đề ngày 30/4/2019. Bà Chung cho rằng cả 02 Hợp đồng góp vốn đề ngày 20/3/2017 đều được bà Chung ký trong cùng ngày 20/3/2017 là hợp đồng giả cách, mục đích để bà Hà vay tiền ngân hàng, bà Chung không nhận 2.000.000.000 đồng góp vốn của bà Hà và ngày 31/5/2018, bà Hà đã viết giấy xác nhận hợp đồng góp vốn là hợp đồng ảo nên không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Long, bà Hà.

Tại Đơn đề nghị gửi Công an tỉnh Điện Biên đề tháng 8/2019, bà Chung trình bày *“Đúng vào ngày 31/5/2019, Hà sang nhà tôi bảo nếu chị muốn có tiền trả cho bà Thủy thì chị làm hợp đồng cho em... nhưng tôi yêu cầu Hà phải ghi cho tôi vài chữ làm cơ sở chứng minh đó là hợp đồng không có thật, chỉ nhằm mục đích để Hà vay vốn ngân hàng và chính tay Hà đã tự viết cho tôi”*. Trình bày của bà Chung phù hợp với lời khai của những người làm chứng là chị Vi Thị Tâm và chị Tòng Thị Cơi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều xác định bà Chung, bà Hà có ký 01 hợp đồng góp vốn kinh doanh vào ngày 31/5/2019 là hợp đồng giả cách mục đích để bà Hà vay tiền ngân hàng nên không có việc bà Hà góp vốn 2.000.000.000 đồng cho bà Chung là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng lại nhận định thực tế bà Hà và bà Chung chỉ ký 01 hợp đồng góp vốn ngày 20/3/2017 là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Chung thừa nhận năm 2017 có ký Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 20/3/2017 với bà Hà. Lời khai của bà Chung phù hợp với Kết luận giám định số 388/GD-PC09 ngày 08/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên: Chữ ký, chữ viết đứng tên Vi Thị Chung trên Hợp đồng góp vốn đề ngày 20/3/2017 mà ông Long, bà Hà cho rằng ký kết vào ngày 20/3/2017 và chữ ký, chữ viết đứng tên Vi Thị Chung trên Hợp đồng góp vốn đề ngày 20/3/2017 mà ông Long, bà Hà cho rằng ký xác nhận vào ngày 31/5/2019 và Giấy xác nhận lương đề ngày 30/4/2019 không cùng một loại mực ký, viết ra. Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xác định ngày 20/3/2017, bà Chung và bà Hà đã ký Hợp đồng góp vốn kinh doanh là có cơ sở. Bà Hà khẳng định đã giao số tiền góp vốn 2.000.000.000 đồng cho bà Chung nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm lại xác định bà Hà đã giao cho bà Chung số tiền góp vốn 2.000.000.000 đồng, từ đó chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bà Chung phải trả cho ông Long, bà Hà số tiền 2.833.333.333 đồng (gồm 2.000.000.000 đồng tiền gốc và 833.333.333 đồng tiền lãi) là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chung.

### *2.3. Áp dụng pháp luật không đúng*

Hợp đồng góp vốn kinh doanh ngày 20/3/2017 là hợp đồng hợp tác nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại áp dụng quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết



hậu quả của hợp đồng góp vốn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, khấu trừ khoản tiền gốc và lãi mà ông Long, bà Hà có nghĩa vụ liên đới trả bà Chung là không đúng quy định pháp luật.

Với những vi phạm nêu trên, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm 01/KNGĐT-VKS-DS ngày 14/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2022/DS-PT ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Nguyễn Quang Dũng-PVTVKSTC (b/c);
- Vụ 9 VKSTC (b/c);
- Đ/c Viện trưởng VC1 (b/c);
- VC2, VC3;
- VKSND 28 tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc;
- Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội;
- Các Viện nghiệp vụ, Văn phòng VC1;
- Lưu VT, V2.

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Phạm Văn Hòa**

